TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **36**/2025/HS-ST
Ngày: 09/5/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Nữa.

Ông Lê Tấn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2025/TLST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2025/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. **Lê Như T**; Sinh ngày: 03/01/1992; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: DB đường TH, Phường M, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn D (chết) và bà: Nguyễn Thị T1; Có chồng: Là Trần Ngọc Khoa N và con: Có 01 người con, sinh năm 2016; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 16/01/2024.

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

2. **Trần Ngọc Khoa N** (bị cáo khai tên thường gọi là M); Sinh ngày: 01/02/1991; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: Số F đường số BC, Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: DB đường TH, Phường M, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Nhất Thế H và bà: Nguyễn Thị Mỹ L; Có vợ: Là Lê Như T và con: Có 01 người con, sinh năm 2016; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 16/01/2024.

Nhân thân: Ngày 11/6/2020, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» (Bản án số: 110/2020/HS-ST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày

16/12/2021 và đã thi hành xong án phí ngày 12/10/2020 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 417/GCN của Trại giam Phú Hòa và Công văn trả lời xác minh số: 1715/CCTHADS ngày 28/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh).

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Như T:*

Ông Nguyễn Minh T2 - Luật sư Công ty Luật TNHHHS thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Thanh T3; Sinh năm: 1991; Thường trú: IBE/CFA đường HG, Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: CFC đường LCH, Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

2. Bà Huỳnh Tuyết G; Sinh năm: 1989; Thường trú: DC/F đường NM, xã HP, tỉnh BL; Chỗ ở: A/DB/IA đường ĐT, Phường F, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

3. Ông Vũ Đình K; Sinh năm: 1979; Thường trú: BB/DD/J đường H, Phường F, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: A/DB/IA đường ĐT, Phường F, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 16/01/2024, tổ công tác thuộc Công an Phường J Quận F trên đường tuần tra phát hiện Lê Như T đang đứng trước nhà số A0I đường NVL, Phường J, Quận F có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra. Qua kiểm tra đã thu giữ trong ngăn kéo giỏ xách màu đen (T đang đeo trên người) 02 gói nylon chứa tinh thể không màu (T khai là ma túy đá mua của Vũ Đình K và Huỳnh Tuyết G vào tối ngày 16/01/2024 tại phòng D0C Khách sạn B, địa chỉ AHE đường THT, Phường N, Quận J để bán thu lợi). Ngoài ra, tổ công tác còn thu giữ của T 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Z Fold5. Trong lúc làm việc với T, tổ công tác phát hiện Trần Ngọc Khoa N (chồng của T) đang đứng trước nhà số DF đường LCH, Phường J, Quận F có biểu hiện nghi vấn nên kiểm tra và đã thu giữ trong túi vải (móc với chùm chìa khóa) của N 01 gói nylon chứa 01 viên nén màu nâu (N khai là thuốc lắc), 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 150 màu xanh đen. Sau đó, tổ công tác đã giao T, N cùng các vật chứng nêu trên cho Cơ quan điều tra Công an Quận 6 giải quyết.

Tiến hành khám xét nơi ở của Lê Như T, Trần Ngọc Khoa N tại phòng ngủ tầng A, nhà số DB đường TH, Phường M, Quận E, tổ công tác đã thu giữ của Lê

Như T: 02 gói nylon chứa tinh thể không màu, 05 gói nylon (không chứa gì), 01 cân điện tử (để trong 01 hộp nhựa); 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (01 chai nhựa, 01 ống thủy tinh chứa tinh thể không màu, 01 ống hút nhựa), 01 cân điện tử (để trên bàn gỗ kế bên cầu thang); 05 ống thủy tinh chứa tinh thể không màu, 01 hộp quẹt gas (để dưới gầm bàn gỗ); 02 bình gas mini (để kế bên bàn gỗ). Thu giữ của Trần Ngọc Khoa N 01 gói nylon chứa 01 viên nén màu hồng (để trong ngăn kéo của bàn trang điểm).

Từ lời khai của Lê Như T về nguồn gốc ma túy, tổ công tác tiến hành kiểm tra phòng D0C Khách sạn B, địa chỉ AHE đường THT, Phường N, Quận J (nơi Vũ Đình K, Huỳnh Tuyết G thuê để ở). Qua kiểm tra, đã thu giữ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (01 chai nhựa, 01 ống thủy tinh, 01 ống hút nhựa), 01 ống thủy tinh. Ngoài ra, tổ công tác còn thu giữ bên ngoài cửa sổ phòng 403 01 gói nylon chứa tinh thể không màu.

Tại Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Lê Như T khai: Ngày 16/01/2024, T gọi điện thoại cho một người tên Vũ Đình K (có số điện thoại 0907884XXX) hỏi mua ma túy để bán cho đối tượng tên P (không rõ lai lịch) đặt mua trước đó. Sau khi K đồng ý, T đến điểm hẹn tại phòng D0C Khách sạn B, địa chỉ AHE đường THT, Phường N, Quận J gặp K nhận ma túy. Đến nơi T không gặp K mà gặp Huỳnh Tuyết G (vợ K). Tại đây, theo yêu cầu của K, T đã chuyển 3.500.000 đồng cho K thông qua ứng dụng MoMo. Một lúc sau, G đưa cho T 02 gói ma túy đá. Sau đó, T đem 02 gói ma túy này đến Khách sạn HH, địa chỉ A0I đường NVL, Phường J, Quận F bán cho P, nhưng chưa kịp gặp P thì đã bị phát hiện bắt giữ như nêu trên. Ngoài ra, T khai trên đường đến Khách sạn HH, T có nhắn tin kêu Nguyễn Thanh T3 (bạn của T) đến địa chỉ A0I đường NVL, Phường J, Quận F hỗ trợ cho T (nhưng T không nói hỗ trợ việc gì). Và tính đến ngày bị bắt, T đã mua ma túy của Vũ Đình K khoảng 03 đến 04 lần, mỗi lần mua từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng để bán thu lợi. Riêng 02 gói ma túy đá bị thu giữ khi khám xét nhà số DB đường TH, là của T mua trước đó để bán lại cho người nghiện. Còn 05 ống thủy tinh (ngoài bộ dụng cụ sử dụng ma túy), là dụng cụ T dùng để sử dụng ma túy đá, nhưng đã bị nám khói không còn sử dụng được, T chưa kịp bỏ. Đối với viên nén màu hồng, Công an thu giữ trong ngăn kéo bàn trang điểm ở phòng ngủ, T không rõ nguồn gốc và cũng không biết của ai.

Trần Ngọc Khoa N khai 01 viên nén màu nâu để trong túi vải (móc với chùm chìa khóa) và 01 viên nén màu hồng (để trong ngăn kéo bàn trang điểm ở phòng ngủ tầng A, nhà số DB đường TH, Phường M, Quận E) là ma túy dạng thuốc lắc của N mua từ một người thanh niên (không rõ lai lịch) với giá 200.000 đồng để sử dụng riêng cho bản thân.

Nguyễn Thanh T3 khai: Tối ngày 16/01/2024, sau khi nhận được điện thoại của Lê Như T (bạn T3) nói T đi khuya một mình và kêu T3 đến địa chỉ A0I đường NVL, Phường J, Quận F, nhưng không nói rõ đến để làm gì, T3 đồng ý. Đến nơi, T3 thấy T bị Công an kiểm tra bắt giữ liền đi tìm báo cho Trần Ngọc

Khoa N (chồng của T) biết thì gặp N đang đứng tại bãi đất trống trên đường số 59, Phường J, Quận F, nên nói cho N biết việc T đang bị Công an kiểm tra. Lúc này, T3 mới thấy tin nhắn của T gửi cho T3 có nội dung «Chị đưa đồ cho người ta mà vào đây có một mình nên nhờ em hỗ trợ». Sau đó, T3 và N đến địa chỉ A0I đường NVL tìm T, nhưng không gặp nên N kêu T3 chở qua Công an Phường 10, Quận 6 để nắm thông tin của T. T3 xác nhận không hùn tiền với N, T mua ma túy cũng như T3 không biết việc N, T mua ma túy của ai, để làm gì và cất giấu ma túy như thế nào.

Quá trình điều tra, Huỳnh Tuyết G, Vũ Đình K không thừa nhận có bán ma túy cho Lê Như T. Ngoài ra, K khai T chuyển 3.500.000 đồng vào tài khoản MoMo của K, là để trả tiền mua điện thoại cho K, không phải tiền mua ma túy.

Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Huỳnh Tuyết G, Vũ Đình K đối chất với Lê Như T, nhưng G và K đều không nhận có bán ma túy cho T tại phòng D0C Khách sạn B, địa chỉ AHE THT, Phường N, Quận J vào ngày 16/01/2024.

Theo kết quả xét nghiệm chất ma túy cùng ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Trạm y tế Phường 10, Quận 6, Lê Như T, Trần Ngọc Khoa N, Nguyễn Thanh T3 đều dương tính với ma túy (loại Methamphetamine, Amphetamine).

Tại Kết luận giám định số: 1492/KL-KTHS ngày 24 tháng 01 năm 2024, Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận:

- Gói 1: Tinh thể không màu trong 02 gói nylon được niêm phong, bên ngoài có các chữ ký ghi tên Lê Như T, Trần Trung T5 (người chứng kiến) và hình dấu Công an Phường 10, Quận 6 (ký hiệu m_1) cần giám định đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 24,9117g (hai bốn phẩy chín một một bảy gam), loại Methamphetamine.

- Gói 2: Tinh thể không màu trong 02 gói nylon được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Lê Như T, Lý Bửu T6 (người chứng kiến) và hình dấu Công an Phường 12, Quận 5 (ký hiệu m_2) cần giám định đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 1,0622g (một phẩy không sáu hai hai gam), loại Methamphetamine.

- Gói 3: 01 viên nén màu hồng trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Lê Như T, Lý Bửu T6 (người chứng kiến) và hình dấu Công an Phường 12, Quận 5 (ký hiệu m_3) cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,4983g (không phẩy bốn chín tám ba gam), loại MDMA.

Tại Kết luận giám định số: 1494/KL-KTHS ngày 24 tháng 01 năm 2024, Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: 01 viên nén màu nâu trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Trần Ngọc Khoa N, Trần Hoàng T7 (người chứng kiến) và hình dấu Công an Phường 10, Quận 6 (ký hiệu m) cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,5606g (không phẩy năm sáu không sáu gam), loại MDMA.

Tại Kết luận giám định số: 13314/KL-KTHS ngày 14 tháng 11 năm 2024, Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận:

- Gói 1: được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Mai Trọng T4 (Điều tra viên) và hình dấu Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 6, bên trong có 05 ống thủy tinh dính tinh thể (ký hiệu m_1) cần giám định đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 0,0829g (không phẩy không tám hai chín gam), loại Methamphetamine.

- Gói 2: được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Mai Trọng T4 (Điều tra viên) và hình dấu Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 6, bên trong có 01 chai nhựa, trên nắp chai có gắn 01 ống hút nhựa, 01 ống thủy tinh dính tinh thể (ký hiệu m_2) cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,1717g (không phẩy một bảy một bảy gam), loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra, Lê Như T khai trước đây T có tiền sử bệnh tâm thần, nên ngày 26 tháng 3 năm 2024 Cơ quan điều tra Công an Quận 6 ra Quyết định trưng cầu giám định pháp y về tình trạng sức khỏe và tâm thần đối với Lê Như T (Quyết định số: 719/QĐ-ĐCSMT).

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số: 3345/KLGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Trung tâm Pháp y Tâm thần khu vực Thành phố Hồ Chí Minh - Bộ Y tế đã kết luận tình trạng sức khỏe tâm thần đối với Lê Như T như sau:

1. Về y học: Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi «Mua bán trái phép chất ma túy» phát hiện lúc 23 giờ ngày 16/01/2024 và hiện tại thì đối tượng Lê Như T có bị bệnh tâm thần.

Loại bệnh: Rối loạn phân liệt cảm xúc, loại hỗn hợp giai đoạn ổn định (F25.25-ICD10).

2. Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi «Mua bán trái phép chất ma túy» phát hiện lúc 23 giờ ngày 16/01/2024 và hiện tại thì đối tượng Lê Như T đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

3. Ý kiến khác: N nhân gây nên bệnh tâm thần của đối tượng Lê Như T là do bệnh nội sinh.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 ra quyết định khởi tố vụ án hình sự (Quyết định số: 12/QĐ-ĐCSMT); khởi tố bị can đối với Lê Như T về tội «Mua bán trái phép chất ma túy» (Quyết định số: 22/QĐ-ĐCSMT); khởi tố bị can đối với Trần Ngọc Khoa N về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» (Quyết định số: 21/QĐ-ĐCSMT).

Ngày 18 tháng 12 năm 2024, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 ra Quyết định bổ sung Quyết định khởi tố bị can đối với Lê Như T về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» (Quyết định số: 3253/QĐ-ĐCSMT).

Đối với Nguyễn Thanh T3, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi mua bán, cất giữ ma túy của Lê Như T, Trần Ngọc Khoa N, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự. Còn hành vi sử dụng ma túy của Nguyễn Thanh T3, ngày 31/10/2024 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 6 đã ra Quyết

định cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở xã hội Nhị Xuân thời gian 12 tháng (từ ngày 31/10/2024 đến ngày 31/10/2025) (Quyết định số: 452/QĐ-UBND).

Đối với người thanh niên tên P mua ma túy của Lê Như T và người thanh niên bán ma túy cho Trần Ngọc Khoa N, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đang tiến hành điều tra xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau.

Đối với Vũ Đình K, Huỳnh Tuyết G, Cơ quan điều tra không chứng minh được K, G bán ma túy cho bị cáo Lê Như T nên không có căn cứ xử lý. Đối với số vật chứng thu giữ tại phòng D0C Khách sạn B, địa chỉ AHE đường THT, Phường N, Quận J (nơi Vũ Đình K, Huỳnh Tuyết G thuê để ở), gồm 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (01 chai nhựa, 01 ống thủy tinh, 01 ống hút nhựa), 01 ống thủy tinh, 01 gói nylon chứa tinh thể không màu. Ngày 01/02/2024, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã chuyển hồ sơ cùng các vật chứng trên cho Cơ quan điều tra Công an Quận 10 thụ lý, điều tra theo thẩm quyền (Công văn số: 485/ĐCSMT). Ngày 25/3/2024, Cơ quan điều tra Công an Quận 10 đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự «Tàng trữ trái phép chất ma túy» (Quyết định số: 56/QĐ-ĐCSMT).

Tại Cáo trạng số: 11/CT-VKS-Q6 ngày 10 tháng 02 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê Như T về tội «Mua bán trái phép chất ma túy» và tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» theo quy định tại điểm p khoản 2 Điều 251, điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Trần Ngọc Khoa N về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo Lê Như T khai nhận chính bị cáo, đã thực hiện hành vi mua bán ma túy tổng hợp (loại Methamphetamine hay còn gọi là ma túy đá) như nội dung bản cáo trạng nêu. Đối với 04 gói ma túy đá bị thu giữ (02 gói thu giữ trong ngăn kéo giỏ xách màu đen lúc bắt quả tang, 02 gói thu giữ trong phòng ngủ tầng A khi khám xét nhà) là bị cáo mua của Vũ Đình K và bị cáo cất giữ để bán lại cho người khác thu lợi. Tính đến ngày bị bắt, bị cáo đã nhiều lần bán ma túy cho người khác, tuy nhiên bị cáo không biết nhân thân, lai lịch của những người này. Việc mua bán ma túy của bị cáo, Trần Ngọc Khoa N hoàn toàn không biết và cũng không hùn tiền với bị cáo mua ma túy, N cũng không phụ giúp gì cho bị cáo trong việc mua bán ma túy. Còn 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy (gồm 01 bình nhựa, 01 ống hút nhựa, 01 ống thủy tinh bên trong có ma túy đá) là của bị cáo đang dùng để sử dụng ma túy. Riêng 05 ống thủy tinh (bên trong có dính ma túy đá) là dụng cụ sử dụng ma túy, do 05 ống thủy tinh này bị nám không còn sử dụng được nên bị cáo định đem đi vứt bỏ, nhưng chưa kịp bỏ thì đã bị Công an kiểm tra thu giữ;

Bị cáo Trần Ngọc Khoa N khai tương tự nội dung bản cáo trạng và xác nhận lời khai của bị cáo Lê Như T tại phiên tòa là đúng, bị cáo hoàn toàn không biết T mua, bán ma túy như thế nào, bị cáo cũng không hùn tiền với T mua ma

túy và bị cáo cũng không phụ giúp gì cho T trong việc mua bán ma túy. Riêng 02 viên nén (01 viên màu nâu để trong túi vải móc với chùm chìa khóa bị thu giữ khi bắt quả tang; 01 viên màu hồng để trong ngăn kéo cuối của bàn trang điểm bị thu giữ khi khám xét nhà số DB đường TH, Phường M, Quận E) là ma túy tổng hợp (loại MDMA hay còn gọi là thuốc lắc) của bị cáo cất giữ để dành sử dụng và việc bị cáo cất giữ 02 viên thuốc lắc này, Lê Như T hoàn toàn không biết. Còn chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh đen bị thu giữ là của Nguyễn Thanh T3 cho bị cáo mượn và bị cáo đã gắn sim điện thoại của bị cáo vào (sim điện thoại số 0907693010) để gọi hỏi thông tin của T vào ngày bị bắt, nhưng không gọi được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ N quyết định truy tố các bị cáo Lê Như T, Trần Ngọc Khoa N về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như bản cáo trạng. Riêng bị cáo Lê Như T, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ N quyết định truy tố bị cáo về tội «Mua bán trái phép chất ma túy», nhưng truy tố theo điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (thay đổi quyết định truy tố đối với bị cáo về trường hợp phạm tội theo quy định tại điểm p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Lê Như T từ 09 năm đến 10 năm tù về tội «Mua bán trái phép chất ma túy» và từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» theo điểm i khoản 2 Điều 251; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội theo điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Trần Ngọc Khoa N từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» theo điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt tiền bị cáo Lê Như T từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng theo khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Còn bị cáo Trần Ngọc Khoa N không có khả năng thi hành. Mặt khác quá trình điều tra cho thấy, bị cáo N phạm tội không vụ lợi, nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo này.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Z Fold5, số seri: RFCW804V8GB.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 gói bên ngoài ghi vụ số: 489/24, có chữ ký niêm phong của Giám định viên Võ La Bảo Y và cán bộ điều tra Võ Đăng K1. Bên trong chứa mẫu vật có khối lượng 0,4367 gam là ma túy loại MDMA; 03 gói bên ngoài ghi vụ số: 488/24, có chữ ký niêm phong của Giám định viên Võ La Bảo Y

và cán bộ điều tra Võ Đăng K1. Bên trong: gói 1 chứa mẫu vật có khối lượng 0,8688 gam là ma túy loại Methamphetamine, gói 2 chứa mẫu vật có khối lượng 23,078 gam là ma túy loại Methamphetamine, gói 3 chứa mẫu vật có khối lượng 0,4021 gam là ma túy loại MDMA (mẫu vật còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định); 02 gói bên ngoài ghi vụ số: 4120/24, có chữ ký niêm phong lại của Giám định viên Trần Đình Hải và cán bộ điều tra Võ Đăng K1. Bên trong: gói 1 có 05 ống thủy tinh dính tinh thể có tổng khối lượng 0,0523 gam là ma túy loại Methamphetamine, gói 2 có 01 chai nhựa trên nắp chai có gắn 01 ống hút nhựa, 01 ống thủy tinh dính tinh thể có tổng khối lượng 0,1190 gam là ma túy loại Methamphetamine (mẫu vật còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định); 01 túi vải với móc chùm chìa khóa; 02 bình gas mini; 02 cân điện tử; 05 gói nylon (bên trong không chứa gì); 01 hộp quẹt gas; 01 giỏ xách màu đen; 02 sim điện thoại số 0907161186 và số 0933551684; 01 sim điện thoại số 0907693010.

Trả lại bị cáo Lê Như T số tiền 550.000 đồng.

Trả lại ông Nguyễn Thanh T3 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A03 màu xanh, kiểu máy: SM-A035F/DS, số seri: R9HRC0D79ZF (bên trong có 01 sim điện thoại số 0799307436); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh đen, số seri 1: 357721109129544, số seri 2: 357748100129546.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Như T đồng ý với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, theo người bào chữa thì mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là cao. Và sau khi phân tích về N nhân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, về nhân thân, hoàn cảnh gia đình của bị cáo, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự «người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi» theo quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và xử phạt bị cáo mức án dưới mức đề nghị thấp nhất của Viện kiểm sát, cụ thể là 01 năm tù đối với tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» và 07 năm tù đối với tội «Mua bán trái phép chất ma túy» nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời và có thời gian điều trị bệnh.

Sau khi tranh luận, đại diện Viện kiểm sát bảo lưu lời luận tội; người bào chữa bảo lưu lời bào chữa.

Lời nói sau cùng, các bị cáo Lê Như T, Trần Ngọc Khoa N đều cho rằng trong thời gian bị tạm giam, các bị cáo đã nhận thức được hành vi của các bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật, nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt các bị cáo mức án nhẹ nhất để các bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt. Tuy nhiên, xét thấy sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng, không gây trở ngại gì đến việc giải quyết vụ án. Mặt khác, những người này cũng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Đối chiếu lời khai của các bị cáo Lê Như T, Trần Ngọc Khoa N tại phiên tòa với Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; các Kết luận giám định số: 1492/KL-KTHS và số: 1494/KL-KTHS cùng ngày 24/01/2024; số: 13314/KL-KTHS ngày 14/11/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thanh T3 và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ, lời khai khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Như T đã phạm tội «Mua bán trái phép chất ma túy» và phạm tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy», tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 251, Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Trần Ngọc Khoa N đã phạm tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy», tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015).

[3.1] Bị cáo Lê Như T đã mua bán chất ma túy ở thể rắn và thời điểm bắt quả tang (vào lúc 23 giờ ngày 16/01/2024 tại khu vực trước nhà số A0I đường NVL, Phường J, Quận F), đã thu giữ trong ngăn kéo giỏ xách màu đen (bị cáo đang đeo trên người) 02 gói nylon, bên trong có 24,9117 gam ma túy, loại Methamphetamine. Ngoài ra, khi khám xét nơi ở của bị cáo tại nhà số DB đường TH, Phường M, Quận E, Công an còn thu giữ của bị cáo 02 gói nylon, bên trong có 1,0622 gam ma túy, loại Methamphetamine (bị cáo T xác nhận toàn bộ số ma túy bị thu giữ này là của bị cáo mua và cất giữ nhằm mục đích để bán thu lợi). Do tổng khối lượng Methamphetamine mà bị cáo Lê Như T cất giữ để bán là 25,9739 gam, nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội «Mua bán trái phép chất ma túy» thuộc trường hợp «Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam» theo quy định

tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thay đổi quyết định truy tố bị cáo Lê Như T với tội danh và điều luật nêu trên, là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3.2] Ngoài 04 gói ma túy bị thu giữ như nêu trên, khi khám xét nơi ở của bị cáo Lê Như T (phòng ngủ tầng A, nhà số DB đường TH, Phường M, Quận E), Công an còn thu giữ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, gồm 01 chai nhựa trên nắp chai có gắn 01 ống hút nhựa, 01 ống thủy tinh bên trong có 0,1717 gam ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine (bị cáo T xác nhận bộ dụng cụ này là của bị cáo đang dùng để sử dụng ma túy) và 05 ống thủy tinh, bên trong có 0,0829 gam ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine (bị cáo T xác nhận 05 ống thủy tinh bên trong có ma túy bị thu giữ là của bị cáo), nên ngoài hành vi phạm tội nêu trên, bị cáo T còn phạm tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» thuộc trường hợp «Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam» theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, đúng như Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 đã truy tố.

[3.3] Bị cáo Trần Ngọc Khoa N đã cất giữ chất ma túy ở thể rắn và thời điểm bắt quả tang (vào lúc 23 giờ 30 phút ngày 16/01/2024 tại khu vực trước nhà số DF đường LCH, Phường J, Quận F) đã thu giữ trong túi vải (móc với chùm chìa khóa) của bị cáo 01 gói nylon, bên trong có 0,5606 gam ma túy, loại MDMA. Và khi khám xét nơi ở của bị cáo tại nhà số DB đường TH, Phường M, Quận E, Công an đã thu giữ của bị cáo 01 gói nylon, bên trong có 0,4983 gam ma túy, loại MDMA (bị cáo khai 02 viên nén này là của bị cáo mua và cất giữ để dành sử dụng, không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển hay sản xuất trái phép chất ma túy khác). Và tổng khối lượng MDMA mà bị cáo Trần Ngọc Khoa N cất giữ để sử dụng là 1,0589 gam, do đó Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 truy tố bị cáo về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» thuộc trường hợp «Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam» theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3.4] Hành vi của các bị cáo Lê Như T, Trần Ngọc Khoa N không những đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về chế độ độc quyền trong việc quản lý, trao đổi, cất giữ chất ma túy mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an xã hội.

[3.5] Các bị cáo Lê Như T, Trần Ngọc Khoa N là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; các bị cáo hoàn toàn nhận thức được tác hại của ma túy, nhận thức được hành vi mua bán, cất giữ trái phép chất ma túy, là hành vi vi phạm pháp luật, được quy định trong Bộ luật hình sự, nhưng do hám lợi (đối với bị cáo T), để thỏa mãn lối sống không lành mạnh (đối với các bị cáo T, N) và nhất là xem thường pháp luật, nên các bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[4] Về nhân thân của các bị cáo:

[4.1] Bị cáo Trần Ngọc Khoa N có nhân thân xấu, đó là ngày 11/6/2020, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy». Cho thấy tuy đã được cải tạo, giáo dục, bị cáo không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Chứng tỏ ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo là không tốt.

[4.2] Bị cáo Lê Như T có nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự).

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Như T, Trần Ngọc Khoa N là nguy hiểm cho xã hội; hành vi phạm tội của bị cáo Lê Như T là thuộc trường hợp rất nghiêm trọng; hành vi phạm tội của bị cáo Trần Ngọc Khoa N là thuộc trường hợp nghiêm trọng. Mặt khác, ma túy nói chung và các chất ma túy ở thể rắn như Methamphetamine, MDMA nói riêng là chất gây nghiện độc hại, việc sử dụng ma túy đã gây tác hại rất lớn và ảnh hưởng rất xấu đến sức khỏe, làm mất khả năng lao động, học tập của chính người sử dụng và đây cũng chính là N nhân gây ra các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt các bị cáo những mức án thật nghiêm khắc tương xứng, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và để phòng ngừa chung, góp phần vào công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay, nhất là các tội phạm về ma túy. Tuy nhiên, xét các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo khi lượng hình tùy theo tính chất, mức độ, vai trò tham gia của từng bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[5.1] Riêng bị cáo Lê Như T phạm tội lần đầu (chưa có tiền án, tiền sự); là con cháu gia đình có công cách mạng (có cha là ông Lê Văn Dậu được Hội đồng Nhà nước Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì; được Chủ tịch nước Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất); thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, về y học bị cáo có bị bệnh tâm thần (rối loạn phân liệt cảm xúc, loại hỗn hợp giai đoạn ổn định), nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Những nhận định trên cũng là căn cứ để chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát và một phần lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Lê Như T tại phiên tòa.

[7] Về hình phạt bổ sung:

[7.1] Ngoài hình phạt tù, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo Lê Như T theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[7.2] Còn bị cáo Trần Ngọc Khoa N, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo phạm tội không vụ lợi, là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7.3] Đối với số tiền mà bị cáo Lê Như T thu lợi từ hành vi mua bán trái phép chất ma túy, do không xác định được chính xác khoản thu lợi này. Mặt khác xét ngoài lời khai của bị cáo cũng không còn chứng cứ nào khác, nên Hội đồng xét xử không đủ cơ sở để buộc bị cáo nộp lại và cũng không đủ căn cứ xác định bị cáo phạm tội «Mua bán trái phép chất ma túy» thuộc trường hợp «Phạm tội 02 lần trở lên».

[8] Việc xử lý vật chứng:

[8.1] Phương tiện mà bị cáo Lê Như T dùng vào việc phạm tội là 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Z Fold5, số seri: RFCW804V8GB, Hội đồng xét xử tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8.2] Đối với 01 gói bên ngoài ghi vụ số: 489/24, có chữ ký niêm phong của Giám định viên Võ La Bảo Y và cán bộ điều tra Võ Đăng K1. Bên trong chứa mẫu vật có khối lượng 0,4367 gam là ma túy loại MDMA; 03 gói bên ngoài ghi vụ số: 488/24, có chữ ký niêm phong của Giám định viên Võ La Bảo Y và cán bộ điều tra Võ Đăng K1. Bên trong: gói 1 chứa mẫu vật có khối lượng 0,8688 gam là ma túy loại Methamphetamine, gói 2 chứa mẫu vật có khối lượng 23,078 gam là ma túy loại Methamphetamine, gói 3 chứa mẫu vật có khối lượng 0,4021 gam là ma túy loại MDMA (mẫu vật còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định); 02 gói bên ngoài ghi vụ số: 4120/24, có chữ ký niêm phong lại của Giám định viên Trần Đình Hải và cán bộ điều tra Võ Đăng K1. Bên trong: gói 1 có 05 ống thủy tinh dính tinh thể có tổng khối lượng 0,0523 gam là ma túy loại Methamphetamine, gói 2 có 01 chai nhựa trên nắp chai có gắn 01 ống hút nhựa, 01 ống thủy tinh dính tinh thể có tổng khối lượng 0,1190 gam là ma túy loại Methamphetamine (mẫu vật còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định); 01 túi vải với móc chùm chìa khóa; 02 bình gas mini; 02 cân điện tử; 05 gói nylon (bên trong không chứa gì); 01 hộp quẹt gas; 01 giỏ xách màu đen; 02 sim điện thoại số 0907161186 và số 0933551684 (trong chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Z Fold5); 01 sim điện thoại số 0907693010 (trong chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh đen. Tại phiên tòa, bị cáo N khai sim điện thoại số 0907693010 là của bị cáo, nhưng chưa đăng ký và bị cáo không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với sim điện thoại này), là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, vật không có giá trị hoặc không sử dụng được, nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8.3] Đối với số tiền 550.000 đồng thu giữ của bị cáo Lê Như T; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A03 màu xanh, kiểu máy: SM-A035F/DS, số seri: R9HRC0D79ZF (bên trong có 01 sim điện thoại số 0799307436) và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh đen, số seri 1: 357721109129544, số seri 2: 357748100129546 thu giữ của ông Nguyễn Thanh T3. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị trả tiền lại cho bị cáo, trả điện thoại lại cho ông T3, vì không đủ căn cứ xác định bị cáo và ông T3 đã hoặc sẽ dùng vào việc phạm tội. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 40/PNK ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Công an Quận 6; Quyết định chuyển vật chứng số: 77/QĐ-VKS ngày 10 tháng 7 năm 2024 và số: 10/QĐ-VKS ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6; Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn - Chi nhánh Bắc Thành phố Hồ Chí Minh; Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10 tháng 9 năm 2024 và ngày 05 tháng 3 năm 2025 giữa Công an Quận 6 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6)

[9] Đối với ông Nguyễn Thanh T3, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi mua bán, cất giữ ma túy của các bị cáo Lê Như T, Trần Ngọc Khoa N, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự. Còn hành vi sử dụng ma túy của ông T3, ngày 31/10/2024 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 6 đã ra Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở xã hội Nhị Xuân thời gian 01 năm (từ ngày 31/10/2024 đến ngày 31/10/2025), do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9.1] Đối với người thanh niên tên P mua ma túy của bị cáo Lê Như T và người thanh niên bán ma túy cho bị cáo Trần Ngọc Khoa N. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị lúc nào Cơ quan điều tra xác minh làm rõ xử lý sau, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[10] Đối với hành vi cất giữ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy và 05 ống thủy tinh của Lê Như T là có dấu hiệu của tội phạm khác. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án nhân dân Quận 6 đã trả hồ sơ yêu cầu điều tra, làm rõ hành vi này của T để xem xét xử lý theo quy định pháp luật. Quá trình điều tra bổ sung, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 xác định không đủ căn cứ để xử lý T về tội «Tàng trữ dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy» và giữ N quyết định truy tố, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở giải quyết.

[11] Đối với hành vi của Vũ Đình K, Huỳnh Tuyết G và số vật chứng thu giữ tại phòng D0C Khách sạn B, địa chỉ AHE đường THT, Phường N, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh (nơi Vũ Đình K, Huỳnh Tuyết G thuê để ở), Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã thông báo đến Cơ quan điều tra Công an Quận 10, đồng thời chuyển hồ sơ cùng toàn bộ vật chứng cho Cơ quan điều tra Công an Quận 10 thụ lý, điều tra theo thẩm quyền (theo Công văn số: 485/ĐCSMT ngày

01/02/2024 và Công văn số: 3496/ĐCSMT ngày 19/11/2024), do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[12] Về án phí: Các bị cáo Lê Như T, Trần Ngọc Khoa N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 251; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Lê Như T** 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội «Mua bán trái phép chất ma túy» và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy». Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/01/2024.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Trần Ngọc Khoa N** (Min) 03 (ba) năm tù về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy». Thời hạn tù tính từ ngày 16/01/2024.

- Căn cứ khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo Lê Như T nộp phạt 10.000.000 (mười triệu) đồng.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Z Fold5, số seri: RFCW804V8GB.

- Căn cứ điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) gói bên ngoài ghi vụ số: 489/24, có chữ ký niêm phong của Giám định viên Võ La Bảo Y và cán bộ điều tra Võ Đăng K1. Bên trong chứa mẫu vật có khối lượng 0,4367 (không phẩy bốn ba sáu bảy) gam là ma túy loại MDMA; 03 (ba) gói bên ngoài ghi vụ số: 488/24, có chữ ký niêm phong của Giám định viên Võ La Bảo Y và cán bộ điều tra Võ Đăng K1. Bên trong: gói 1 chứa mẫu vật có khối lượng 0,8688 (không phẩy tám sáu tám tám) gam là ma túy loại Methamphetamine, gói 2 chứa mẫu vật có khối lượng 23,078 (hai ba phẩy không bảy tám) gam là ma túy loại Methamphetamine, gói 3 chứa mẫu vật có khối lượng 0,4021 (không phẩy bốn không hai một) gam là ma túy loại MDMA; 02 (hai) gói bên ngoài ghi vụ số: 4120/24, có chữ ký niêm phong lại

của Giám định viên Trần Đình H1 và cán bộ điều tra Võ Đăng K1. Bên trong: gói 1 có 05 (năm) ống thủy tinh dính tinh thể có tổng khối lượng 0,0523 (không phẩy không năm hai ba) gam là ma túy loại Methamphetamine, gói 2 có 01 (một) chai nhựa trên nắp chai có gắn 01 (một) ống hút nhựa, 01 (một) ống thủy tinh dính tinh thể có tổng khối lượng 0,1190 (không phẩy một một chín không) gam là ma túy loại Methamphetamine; 01 (một) túi vải với móc chùm chìa khóa; 02 (hai) bình gas mini; 02 (hai) cân điện tử; 05 (năm) gói nylon (bên trong không chứa gì); 01 (một) hộp quẹt gas; 01 (một) giỏ xách màu đen; 02 (hai) sim điện thoại số 0907161186 và số 0933551684; 01 (một) sim điện thoại số 0907693010.

- Căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo Lê Như T 550.000 (năm trăm năm mươi ngàn) đồng.

Trả lại ông Nguyễn Thanh T3 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A03 màu xanh, kiểu máy: SM-A035F/DS, số seri: R9HRC0D79ZF, bên trong có 01 (một) sim điện thoại số 0799307436; 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh đen, số seri 1: 357721109129544, số seri 2: 357748100129546.

(theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn - Chi nhánh Bắc Thành phố Hồ Chí Minh; Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10 tháng 9 năm 2024 và ngày 05 tháng 3 năm 2025 giữa Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh)

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Các bị cáo Lê Như T, Trần Ngọc Khoa N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 6;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (Tổ địa bàn 6);
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (Phòng PV06);
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận 6;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

Nguyễn Thị Thùy Liên